

Bản án số: 240/2022/HS-ST

Ngày: 04 - 7 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ.

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2022/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Quốc Đ, sinh năm: 2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Sửa xe; con ông Trần Hồng T, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Bạch T, sinh năm 1960; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 chị em; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/01/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đường X phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên ngày 29/10/2021, Trần Quốc Đ nảy sinh ý định đến cửa hàng chuyên mua bán điện thoại di động của Anh Trần Đ tại số 4**, đường K, Khu phố L, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để nói dối mua điện thoại di động rồi chiếm đoạt mang đi bán để lấy tiền tiêu xài. Ngày 30/10/2021, Đ đến cửa hàng trên thì gặp Anh Trần Đ và anh Trần Thanh B đang đứng trong tiệm. Đ giả vờ hỏi mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 thì anh Đ tưởng thật nên mang 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax 64GB ra cho Đ xem, trong lúc Đ đang xem điện thoại thì anh Đ mang thêm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 256GB, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro 128GB ra tư vấn cho Đ, Đ thấy 03 chiếc điện thoại di động đều đẹp nên nảy sinh ý định chiếm đoạt cả 03 chiếc điện thoại di động này. Lúc này, Đ nói với anh Đ là mang 03 chiếc điện thoại di động này về nhà cho người nhà xem, nếu người nhà đồng ý mua chiếc điện thoại di động nào thì mua và trả tiền chiếc đó, nếu không đồng ý mua thì trả điện thoại lại cho anh Đ. Do nghĩ Đ là con ông Trần Hồng T - người cho Đồng thuê mặt bằng bán điện thoại nên anh Đ tin tưởng và đồng ý cho Đ mang 03 chiếc điện thoại di động đi. Sau khi nhận 03 chiếc điện thoại thì Đ không về nhà mà đến cửa hàng mua bán điện thoại di động Số 8**, Đường số T, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Hữu T làm chủ bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro 128GB với giá 24.500.000 đồng, còn chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax 64GB và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 256GB Đ giữ lại sử dụng. Khi đã tiêu xài hết tiền thì Đ tiếp tục đến cửa hàng mua bán điện thoại di động AloFi, số 4**, đường N, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh do Phạm Minh Phụng làm chủ lần lượt bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax 64GB với giá 13.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 256GB với giá 23.000.000 đồng rồi tiêu xài hết. Sau đó, Đ bỏ trốn. Đến ngày 15/01/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện mời Đ về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Trần Quốc Đ đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Sau khi đưa điện thoại cho Trần Quốc Đ, anh Đ không liên lạc được với Đ và Đ không trả tiền, cũng không trả lại điện thoại lại cho anh Đ, anh Đ đến nhà tìm Đ thì ông Trần Hồng T là cha của Đ cho biết ông không nói Đ đến tiệm mua điện thoại di động, Đ đã bỏ nhà đi từ tháng 04/2021, ông không biết Đ ở đâu. Do

đó, đến ngày 15/11/2021, anh Đ đến Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức trình báo.

Kết luận định giá số 398-KV3/KLĐG – HĐĐGTS ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức, giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax 64GB, màu Gold có giá là 15.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 256GB, màu Gold có giá là 27.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro 128GB, màu Gold có giá là 31.000.000 đồng. Tổng 03 chiếc điện thoại di động có giá là 73.000.000 (bảy mươi ba triệu) đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) USB chứa đoạn Video ghi nhận hình ảnh Trần Quốc Đ nhận 03 (ba) chiếc điện thoại di động tại địa chỉ Số 4**, đường K, Khu phố L, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được trích xuất từ camera an ninh tại cửa hàng.

- 01 (một) USB chứa đoạn Video được lưu trữ lại hình ảnh Trần Quốc Đ bán điện thoại di động ngày 30/10/2021 tại địa chỉ số 8**, đường X, Khu phố Y, phường Z, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được trích xuất từ camera an ninh tại cửa hàng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Hồng T là cha của Trần Quốc Đ đã bồi thường cho Anh Trần Đ 73.000.000 đồng, anh Đ đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số: 155/CT-VKS ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Quốc Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2022.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với kết luận định giá, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, rất hối hận về hành vi của mình. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là Anh Trần Đ đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm và vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc bị hại vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, hình ảnh camera, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Do cần tiền để tiêu xài nên Trần Quốc Đ nảy sinh ý định lừa nhân viên cửa hàng bán điện thoại di động bằng cách giả vờ mua điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, ngày 30/10/2021, Đ đến cửa hàng bán điện thoại di động tại địa chỉ: Số 4**, đường K, Khu phố L, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh hỏi mua 03 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax 64GB, màu Gold; Iphone 12 promax 256GB, màu Gold và Iphone 13 pro 128GB, màu Gold với tổng trị giá 73.000.000 đồng của Anh Trần Đ nói là đem về cho người nhà xem, sau đó sẽ chọn mua. Anh Đ tưởng thật nên giao 03 chiếc điện thoại trên cho Đ, sau đó Đ đã chiếm đoạt mang bán lấy tiền tiêu xài và bỏ trốn.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý nói dối để anh Đ tin tưởng là thật rồi chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại di động có giá trị 73.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại

Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

Đối với Nguyễn Hữu T và Phạm Minh P là những người mua điện thoại của Trần Quốc Đ thì T và P không biết những chiếc điện thoại này là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của Anh Trần Đ nên không có cơ sở xử lý T và P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại có tổng giá trị là 73.000.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại làm đơn bãi nại; bị cáo phạm tội lần đầu nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội nghiêm trọng, bị cáo không có nơi cư trú ổn định nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Anh Trần Đ đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) USB chứa đoạn Video ghi nhận hình ảnh bị cáo nhận 03 (ba) chiếc điện thoại di động tại địa chỉ: Số 4**, đường K, Khu phố L, phường M, thành phố Thủ Đức và 01 (một) USB chứa đoạn Video được lưu trữ lại hình ảnh bị cáo bán điện thoại di động ngày 30/10/2021 tại địa chỉ: Số 84E, Đường E, Khu phố F, phường T, thành phố Thủ Đức là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc Đ** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc Đ**: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 (một) USB chứa đoạn Video ghi nhận hình ảnh bị cáo nhận 03 (ba) chiếc điện thoại di động tại địa chỉ: Số 4**, đường K, Khu phố L, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ 01 (một) USB chứa đoạn Video được lưu trữ lại hình ảnh bị cáo bán điện thoại di động ngày 30/10/2021 tại địa chỉ: Số 84E, Đường 2, Khu phố 8, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Ngọc